

Bản án số: 158/2023/HS-PT
Ngày 27 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;
Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2023, đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Ngô Thị Mộng H; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 185/2022/HS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện T1.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1974 tại Quảng Ninh; Căn cước công dân số: 02207400384X, cấp ngày 04-8-2022; nơi đăng ký thường trú: Tổ X, Khu phố X1, phường T2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ X2, Khu phố X3, thị trấn V1, huyện V, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ tên Vũ Thị O và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2007/HSST ngày 12-12-2007 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Quảng Ninh, xử phạt Nguyễn Mạnh T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong bản án ngày 20-9-2011; bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 16-10-2021 đến

ngày 19-10-2021; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 28/2023/LCĐKNCT ngày 21-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Thị Mộng H, sinh năm 1974; Căn cước công dân số: 07917403777X, cấp ngày 18-4-2022; nơi đăng ký thường trú: đường G, phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Cao T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; có chồng tên Võ Hồ Phú Q và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 290/2010/HSST ngày 21-9-2010 của Tòa án nhân dân quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh, đã xử phạt Ngô Thị Mộng H 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 (một) năm 01 (một) tháng 02 (hai) ngày, tính từ ngày 21-9-2010.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự số: 0030140 ngày 03-02-2012, bị Công an phường B3, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 118/2016/HSST ngày 20-5-2016 và Thông báo sửa chữa bản án số: 01/2018/TB-TA ngày 17-01-2018 của Tòa án nhân dân quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh, đã xử phạt Ngô Thị Mộng H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày 20-5-2016; phạt bổ sung 6.000.000 đồng.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 16-10-2021 đến ngày 19-10-2021; vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 13 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Từ giữa tháng 7/2021, Đinh Thọ B3 và Hoàng Thị Bích L sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà của B3, ấp T5, xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/10/2021, sau khi ăn uống cùng bạn tại nhà xong thì B3 đi ngủ; lúc này, có Nguyễn Mạnh T, Võ Thị Thanh C1, Phạm Thị Khánh H và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) rủ nhau đánh bài xì dách ăn tiền tại khu

vực nhà bếp, L đồng ý cho các đối tượng đánh bạc ăn tiền và cung cấp 03 bộ bài tây 52 lá, để các đối tượng đánh bạc. Sau đó, có Ngô Thị Mộng H, Lê Thị Hồng H1, Phan Thị H2, Phạm Hữu K, Hoàng Thị K1, Phạm Thị Phước L1, Bùi Thị N, Bùi Thị Q1, Nguyễn Thị Bích T6 và Hồ Thị T7, đến cùng tham gia đánh bạc ăn tiền. L cất xe của các đối tượng vào nhà kho và khóa cổng rào lại. Đến khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, khi B3 thức dậy thì nhìn thấy nhiều người đang tham gia đánh bạc ăn tiền tại nhà mình. B3 gọi L ra để nói về việc không đồng ý cho đánh bạc tại nhà, nhưng L xin cho các con bạc chơi hết hôm nay thì B3 đồng ý, không có hành động ngăn cản và đi ra phía trước nhà ngồi uống nước, để các con bạc tiếp tục đánh bạc ăn thua bằng tiền.

Cách thức đánh bạc: Quy định mỗi người chơi làm cái từ 03 đến 06 ván thì bỏ ra 50.000 đồng đến 100.000 đồng tiền xâu cho L, ai không làm cái thì chuyển qua cho người khác làm. Bắt đầu mỗi ván chơi người làm cái sử dụng bộ bài tây 52 lá chia cho mỗi người chơi 02 lá bài. Người chơi được quyền rút thêm tối đa 03 lá bài để cộng điểm, phải đủ từ 16 đến 21 điểm, các lá bài có số điểm tương ứng với con số và không tính “Cơ, Rô, Chuồn, Bích”, riêng lá Át có thể tính 1, 10 hoặc 11 điểm tùy người chơi, các lá J, Q, K tính 10 điểm. Trường hợp được chia 02 lá Át gọi là xì bàng (lớn nhất), chia 01 lá Át với 01 lá 10 hoặc Tây (J, Q, K) gọi là xì dách lớn thứ 02, rút đủ 03 lá bài mà tổng điểm không quá 21 gọi là ngũ linh lớn thứ 03. Các trường hợp còn lại thì so điểm, 21 điểm lớn nhất, quá 21 điểm là ngốc thua 16 điểm. Nếu người chơi để bài dưới 16 điểm hoặc rút bài quá 28 điểm thì phải đền cho tất cả người chơi trong ván bài đó (đền bài). Quy định mức đặt cược từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng/ 01 ván, người chơi so điểm ăn thua trực tiếp với người làm cái tỷ lệ ăn thua là 1/1.

Quá trình đánh bạc, các bị cáo thực hiện hành vi và số tiền cụ thể như sau:

1/ Phạm Hữu K mang theo và sử dụng số tiền 2.000.000 đồng, để đánh bạc, tham gia làm cái và chơi nhiều ván, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thua hết số tiền 2.000.000 đồng.

2/ Phạm Thị Phước L1 mang theo và sử dụng số tiền 4.000.000 đồng, để đánh bạc, tham gia chơi nhiều ván, thua 200.000 đồng. Thu giữ trong người của L1 số tiền 3.700.000 đồng và 100.000 đồng trên chiếu bạc.

3/ Hoàng Thị K1 mang theo và sử dụng số tiền 5.400.000 đồng, để đánh bạc, đặt cược chung với bài của L1 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng, không thắng, không thua. Thu giữ trong người K1 số tiền 5.400.000 đồng.

4/ Ngô Thị Mộng H mang theo và sử dụng số tiền 400.000 đồng, để đánh bạc, thua 300.000 đồng. Thu giữ của H số tiền 100.000 đồng trên chiếu bạc.

5/ Bùi Thị Q1 mang theo 1.600.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng, để đánh bạc, Quí đặt cược chung với tụ bài của H 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng, thua 200.000 đồng nhưng chưa đưa tiền cho H. Thu giữ trong người Quí số tiền 1.600.000 đồng.

6/ Lê Thị Hồng H1 mang theo 1.770.000 đồng, sử dụng số tiền 1.600.000 đồng, để đánh bạc, tham gia chơi nhiều ván với vai trò là người làm cái, thua 1.600.000 đồng, thu giữ trong người H1 số tiền 170.000 đồng.

7/ Hồ Thị T7 mang theo và sử dụng số tiền 500.000 đồng, để đánh bạc, T7 góp tiền làm cái với H1, thua hết 500.000 đồng.

8/ Nguyễn Thị Bích T6 mang theo và sử dụng số tiền 1.800.000 đồng, để đánh bạc, tham gia chơi nhiều ván, thắng 50.000 đồng, thu giữ trong người T6 số tiền 1.800.000 đồng và 50.000 đồng trên chiếu bạc.

9/ Võ Thị Thanh C1 mang theo số tiền 12.600.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng, để đánh bạc, số tiền 12.000.000 đồng C1 để trả nợ ngân hàng, C1 tham gia đặt cược nhiều ván, không thắng, không thua. Thu giữ trong người C1 số tiền 12.500.000 đồng và 100.000 đồng trên chiếu bạc.

10/ Nguyễn Mạnh T mang theo và sử dụng số tiền 5.500.000 đồng, để đánh bạc, tham gia làm cái và chơi nhiều ván, không thắng, không thua. Thu giữ trong người T số tiền 5.500.000 đồng.

11/ Phạm Thị Khánh H mang theo số tiền 18.900.000 đồng, sử dụng 900.000 đồng, để đánh bạc, số tiền 18.000.000 đồng dùng để buôn bán không dùng vào việc đánh bạc, H tham gia chơi nhiều ván, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, không thắng không thua. Thu giữ trong người H số tiền 18.900.000 đồng.

12/ Bùi Thị N mang theo và sử dụng số tiền 500.000 đồng, để đánh bạc, tham gia chơi nhiều ván, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng, thua 450.000 đồng. Thu giữ số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc.

13/ Phan Thị H2 mang theo và sử dụng số tiền 1.350.000 đồng, để đánh bạc, H2 đặt cược chung với bài của H và N mỗi ván 100.000 đồng, thắng 400.000 đồng. Thu giữ trong người H2 số tiền 1.650.000 đồng và 100.000 đồng trên chiếu bạc.

14/ và 15/ Hoàng Thị Bích L và Đinh Thọ B3 không tham gia đánh bạc, khi bị bắt, B3 không bị tạm giữ gì, thu giữ trong người của L số tiền 6.500.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 20.950.000 đồng. Đến 15 giờ 20 phút cùng ngày, khi các con bạc đang tiếp tục đánh bạc thì bị Công an huyện T1 bắt quả tang.

2. Vật chứng - Tài sản:

- Số tiền 20.950.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 vỏ hộp sữa; 03 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 10 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng và 01 mền vải màu nâu.

- Ngoài ra, còn thu giữ các tài sản khác (điện thoại di động, xe mô tô...).

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 185/2022/HS-ST ngày 29-9-2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 65/2022/TB-TA ngày 10-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện T1, đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Bích L và Đinh Thọ B3 phạm tội “Gá bạc”, theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt Hoàng Thị Bích L 50.000.000 đồng và xử phạt Đinh Thọ B3 40.000.000 đồng.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Ngô Thị Mộng H phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt Nguyễn Mạnh T 04 (bốn) tháng tù và xử phạt Ngô Thị Mộng H 05 (năm) tháng tù.

- Tuyên bố các bị cáo Võ Thị Thanh C1, Lê Thị Hồng H1, Phan Thị H2, Phạm Thị Khánh H, Phạm Hữu K, Hoàng Thị K1, Phạm Thị Phước L1, Bùi Thị N, Bùi Thị Q1, Nguyễn Thị Bích T6 và Hồ Thị T7 phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Ngô Thị Mộng H kháng cáo, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và không bị xử phạt tù giam.

5. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Ngô Thị Mộng H theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T có tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, áp dụng hình phạt khác không phải là hình phạt tù đối với bị cáo T.

Đối với bị cáo Ngô Thị Mộng H theo xác minh bị cáo đã chết, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Trên cơ sở xác minh của Tòa án cấp phúc thẩm, Ủy ban nhân dân phường B, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp thông tin về việc bị cáo Ngô Thị Mộng H đã chết vào ngày 02-3-2023, Đăng ký khai tử số: 44/2023 ngày 02-3-2023.

Căn cứ khoản 7 Điều 157 và khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo Ngô Thị Mộng H. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Mạnh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Mạnh T trình bày và cung cấp tài liệu, thể hiện mẹ bị bệnh và gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo là lao động

chính phải nuôi dưỡng nhiều người thân phụ thuộc. Áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Mạnh T có nhân thân nhưng không cùng loại tội phạm và đã bị xét xử đã lâu (năm 2007). Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; xử phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Mạnh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đối với bị cáo Ngô Thị Mộng H:

Căn cứ khoản 7 Điều 157, điểm d khoản 1, 2 Điều 355 và khoản 2 Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 185/2022/HS-ST ngày 29-9-2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 65/2022/TB-TA ngày 10-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện T1 (hình phạt chính và án phí hình sự sơ thẩm); và đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo Ngô Thị Mộng H.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 185/2022/HS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện T1.

2.1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước.

2.2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Mạnh T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện T1 (3);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện T1;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T1;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành